

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ NHA TRANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH KHÁNH HÒA

nh©n danh
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Mai Văn Thuận**

2. Bà **Đinh Thị Cam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** - Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Bà **Võ Thị L** - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2023/KDTM-ST ngày 27/02/2023 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-KDTM ngày 20 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Tổng Công ty D (V)**

Địa chỉ: Tòa nhà V, số E phố H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Ngọc Khánh C – nhân viên Phòng Khách hàng Tổ chức - Doanh Nghiệp của Trung tâm V (theo Giấy ủy quyền số 233/QĐ-TTKD KH-NSTH ngày 05 tháng 7 năm 2024 của T tâm Kinh doanh V).

Bị đơn: **Công ty cổ phần Đ1**

Địa chỉ: Lô H- LKV1, khu đô thị A, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Quý Đ – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2022, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Tổng Công ty D và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/3/2019, Công ty cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) có ký với Tổng Công ty D (sau đây gọi tắt là V) “Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ”. Trên cơ sở ký kết hợp đồng này, Công ty Đ1 đã ký đăng ký sử dụng các dịch vụ viễn thông bao gồm:

- 02 dịch vụ đăng ký ngày 28/3/2019 là Fiber 50-VP3, tên thuê bao là: cty.hnam.fb.kha; và dịch vụ điện thoại cố định số thuê bao là 3529567;

- 02 dịch vụ đăng ký ngày 25/4/2019 với 02 đường line là Fiber vip 200 và Fiber vip150, tên thuê bao là: hoangnam01.fb.kha và hoangnam179.fb.kha;

- 01 dịch vụ đăng ký ngày 5/8/2019 là điện thoại cố định cho 3 số thuê bao: 3521939; 3521816; 3521899;

Quá trình sử dụng dịch vụ bị đơn đã thanh toán được toàn bộ cước của điện thoại cố định và dịch vụ internet của Fiber 50-VP3, tên thuê bao là: cty.hnam.fb.kha; tuy nhiên còn nợ cước của dịch vụ Fiber vip 200 và Fiber vip150, tên thuê bao là: hoangnam01.fb.kha và hoangnam179.fb.kha, đăng ký ngày 25/4/2019.

Nay VNPT yêu cầu Công ty cổ phần Đ1 phải trả cho VNPT số tiền nợ cước dịch vụ viễn thông của các tháng 5, 6, 7, 11, 12 năm 2021 với tổng số tiền là: 88.317. 836 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần Đ1 trình bày:

Công ty cổ phần Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty Đ1 cho rằng Công ty đã không sử dụng dịch vụ trong 03 tháng nhưng VNPT không cắt dịch vụ là không đúng. Công ty sau đó cũng đã trả được một nửa số tiền. Công ty Đ1 đề nghị VNPT miễn toàn bộ số tiền cho công ty V1 hiện nay công ty gặp khó khăn, giám đốc cũ đã bị bắt giam, công ty Đ1 gần như không kinh doanh được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật Viễn thông; căn cứ Điều 513, 515, 518 Bộ luật dân sự; căn cứ Điều 85 Luật thương mại và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, nộp án phí và lệ phí Tòa án để xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 88.317.

836 đồng; buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Tổng Công ty D yêu cầu Công ty cổ phần Đ1 phải trả tiền cước của dịch vụ Fiber vip 200 và Fiber vip 150, đăng ký ngày 25/4/2019 với số tiền là 88.317.836 đồng. Công ty cổ phần Đ1 không đồng ý trả đủ số tiền này vì cho rằng: trong 03 tháng dịch bệnh Covid-19, Công ty Đ1 đã không sử dụng dịch vụ nhưng VNPT không cắt dịch vụ mà vẫn tính cước là không đúng; ngoài ra Công ty sau đó cũng đã trả được một nửa số tiền.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn, và sự thừa nhận của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng việc Công ty Đ1 còn nợ VNPT tiền cước phí viễn thông là đúng sự thật.

[3] Về ý kiến của bị đơn cho rằng trong 3 tháng bị đơn không sử dụng dịch vụ nhưng nguyên đơn vẫn đòi tiền cước, Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ như sau:

Trước khi mở phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày trong ba tháng dịch bệnh C1- 19 nguyên đơn có tính cước viễn thông, và việc tính cước trong thời gian này là đúng với thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định lại: Trong 3 tháng dịch bệnh Covid-19 là tháng 8, 9, 10 năm 2021, VNPT không tính tiền cước. Nguyên đơn xuất trình chứng cứ là các bảng trích xuất phần tính cước của hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh của VNPT đối với thuê bao hoangnam179.fb.kha và thuê bao hoangnam01.fb.kha. Tại các bảng trích xuất này thể hiện trong 5 tháng từ ngày 01/12/2020 đến 01/4/2021, Công ty Đ1 đã tạm dừng sử dụng dịch vụ trọn tháng, và các tháng này đều không phát sinh cước. Vào 03 tháng là các tháng 8, 9, 10 năm 2021, Công ty Đ1 cũng đã tạm dừng sử dụng dịch vụ trọn tháng, và các tháng này cũng không phát sinh cước. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn chỉ trình bày trong 03 tháng dịch bệnh Covid-19 bị đơn không sử dụng dịch vụ nhưng VNPT vẫn tính cước, mà không xác định rõ là 03 tháng nào. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại văn bản số 474/PKHTCDN ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Trung tâm V đã xác định các tháng mà Công ty Đ1 chưa trả tiền cước là tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020; tháng 5/2021; tháng 6/2021. Tại văn bản số 58/CV-HN ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc xin gia hạn thanh toán cước quá hạn, Công ty Đ1 xin được nộp chậm gói cước “do dịch bệnh

kéo dài nên Công ty Đ1 đóng cửa từ tháng 5/2021 đến nay chưa có nguồn thu để chi phí, trong đó có việc thanh toán cước cho V chi nhánh K". Theo nội dung của văn bản này thì tháng 5/2021 Công ty Đ1 đóng cửa không hoạt động, tức là Công ty Đ1 xác nhận từ khoảng thời gian này Công ty Đ1 không sử dụng dịch vụ viễn thông. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: các tháng dịch bệnh Covid-19 mà đại diện bị đơn trình bày rằng bị đơn không sử dụng dịch vụ do nguyên đơn cung cấp chính là các tháng bao gồm tháng 8, tháng 9, tháng 10 của năm 2021, hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn, và phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tại các bảng trích xuất phần tính cước của hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh của VNPT đối với thuê bao hoangnam179.fb.kha và thuê bao hoangnam01.fb.kha đều thể hiện trong các tháng 8, 9, 10 năm 2021, Công ty Đ1 đã tạm dừng sử dụng dịch vụ trọn gói và không phát sinh cước trong các tháng này ("Tổng tiền sử dụng là 0; tiền khách hàng đã thanh toán là 0; tiền khách hàng chưa thanh toán (còn nợ) là 0"). Do đó, số tiền nợ cước mà nguyên đơn đòi bị đơn phải trả không bao gồm tiền nợ cước của 03 tháng dịch bệnh Covid-19 như bị đơn đã nêu.

[4] Về ý kiến của bị đơn cho rằng bị đơn đã trả được một nửa số tiền nợ cước nên không đồng ý trả toàn bộ số tiền mà nguyên đơn đòi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông, Công ty Đ1 nhiều lần trả thiếu tiền cước. VNPT đã có nhiều Công văn nhắc nhở Công ty Đ1 phải thanh toán cước tháng. VNPT đã gửi Công văn số 474/PKHTCDN ngày 19/7/2024 đòi số tiền 122.089.802 đồng đối với cước phí tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020; tháng 5/2021; tháng 6/2021, xác định số tiền nợ tính đến 30/6/2021. Đáp lại Công văn số 474/PKHTCDN ngày 19/7/2024, Công ty Đ1 đã gửi văn bản trả lời số 58/CV-HN ngày 30/11/2021 v/v xin gia hạn thanh toán cước phí quá hạn, theo đó Công ty Đ1 xin được thanh toán cước phí như sau: ngày 15/12/2021 thanh toán 50% giá trị cước phí quá hạn; ngày 30/12/2021 thanh toán 50% gói cước quá hạn còn lại.

Như vậy theo văn bản trả lời số 58/CV-HN, Công ty Đ1 đã thừa nhận với VNPT tính đến thời điểm 30/6/2021, Công ty Đ1 còn nợ VNPT số tiền 122.089.802 đồng theo các tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020; tháng 5/2021; tháng 6/2021. Tuy nhiên nguyên đơn VNPT xác định tính đến nay, bị đơn Công ty Đ1 đã thanh toán tiền cước của các tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020, hiện chỉ còn nợ tiền cước các tháng 5/2021; tháng 6/2021, và nợ phát sinh của các tháng 7/2021; tháng 11/2021; tháng 12/2021.

VNPT xuất trình chứng cứ là sao kê tài khoản của Trung tâm V tại Ngân hàng V2, thể hiện: Vào ngày 10/02/2022, Công ty cổ phần Đ1 đã thanh toán tiền mạng viễn thông năm 2021 cho V với số tiền là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Nguyên đơn trình bày: số tiền 50 triệu đồng mà bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn, nguyên đơn đã trừ vào các khoản nợ của các tháng chưa thanh toán hết, nên bị đơn cho rằng bị đơn đã trả một nửa số tiền trong tổng số tiền nguyên đơn đòi vào các tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 11, tháng 12 của năm 2021 với tổng số tiền 88.317.836 đồng là không đúng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày kể từ sau ngày Công ty Đ1 có công văn xin gia hạn trả nợ là ngày

31/12/2021, Công ty Đ1 chỉ trả nợ một lần là 50 triệu đồng qua chuyển khoản vào ngày 10/02/2022, ngoài ra không trả nợ lần nào khác. Bị đơn có ý kiến đã trả một nửa số nợ nhưng không xác định đã trả được bao nhiêu, không xuất trình một tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc đã trả được một nửa số nợ tiền cước.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Kể từ sau ngày gia hạn nợ vào ngày 30/11/2021, bị đơn đã thanh toán được 50 triệu đồng trong tổng số nợ 122.089.902 đồng. Tại các các bảng trích xuất phần tính cước của hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh của VNPT đối với thuê bao hoangnam179.fb.kha và thuê bao hoangnam01.fb.kha thể hiện nội dung: Trong tháng 5/2021, Công ty Đ1 đã sử dụng lại dịch vụ, giá gói sử dụng 25 ngày; loại dịch vụ: fiber vip 100; thanh toán 1 phần vào ngày 28/02/2022. Đại diện nguyên đơn giải thích rằng số tiền 50 triệu đồng mà bị đơn chuyển khoản, nguyên đơn đã tính để thanh toán một phần nợ, và hệ thống ghi nhận việc thanh toán này thực hiện vào ngày 28/02/2022. Lời khai của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Bởi lẽ tổng số nợ các tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020 là 56.039.200 đồng, nhưng vào thời điểm hiện nay trên hệ thống ghi nhận nợ của các tháng này bằng 0, có nghĩa là số tiền 50.000.000 mà bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn để thanh toán cước viễn thông được căn trừ vào nợ cước của các tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020. Và thực tế thì nguyên đơn không đòi nợ tiền cước của các tháng này như đã có thông báo đòi nợ theo Công văn số 474/PKHTCDN ngày 19/7/2024. Do đó Hội đồng xét xử xác định: số tiền 50 triệu đồng mà bị đơn trả cho nguyên đơn đã được thanh toán nợ cho các tháng 10/2020; tháng 11/2020; tháng 12/2020.

[5] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các bảng trích xuất phần tính cước của hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh của VNPT đối với thuê bao hoangnam179.fb.kha và thuê bao hoangnam01.fb.kha; các hoá đơn dịch vụ viễn thông; Bảng in từ hệ thống điều hành sản xuất kinh doanh về các tháng còn nợ cước và các tài liệu, chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Công ty cổ phần Đ1 chưa thanh toán cho Tổng Công ty D cước của dịch vụ Fiber tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 11, tháng 12 năm 2021; cụ thể đối với tên thuê bao: hoangnam01.fb.kha nợ 41.146.668 đồng; đối với tên thuê bao: hoangnam179.fb.kha nợ 47.171.168 đồng; tổng số nợ cước viễn thông là: 88.317.836 đồng.

Như vậy, Công ty Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cước dịch vụ được quy định tại “Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ” ngày 28/03/2019, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền cước 88.317.836 đồng là có căn cứ, do đó hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty D được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần Đ1 phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 4.415.892 (bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Tổng Công ty D đã nộp là 2.208.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật viên thông;
Căn cứ Điều 74, 85 Luật thương mại năm 2005;
Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty D. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Đ1 phải trả cho nguyên đơn Tổng Công ty D số tiền 88.317.836 đồng (*tám mươi tám triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*).

2. Về án phí: Bị đơn Công ty cổ phần Đ1 phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 4.415.892 (*bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn tám trăm chín mươi hai đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn Tổng Công ty D số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 2.208.000 đồng (*hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0011117 ngày 24/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả hoặc không trả đủ số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[illegible]

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TOA PHIÊN TOÀ

Nơi nhậnTM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND tỉnh Khánh Hòa*
- *VKSND thành phố Nha Trang*
- *Cục thi hành án dân sự TP. Nha Trang*
- *Các đương sự*
- *Lưu*

Phạm Thị Thanh Hải